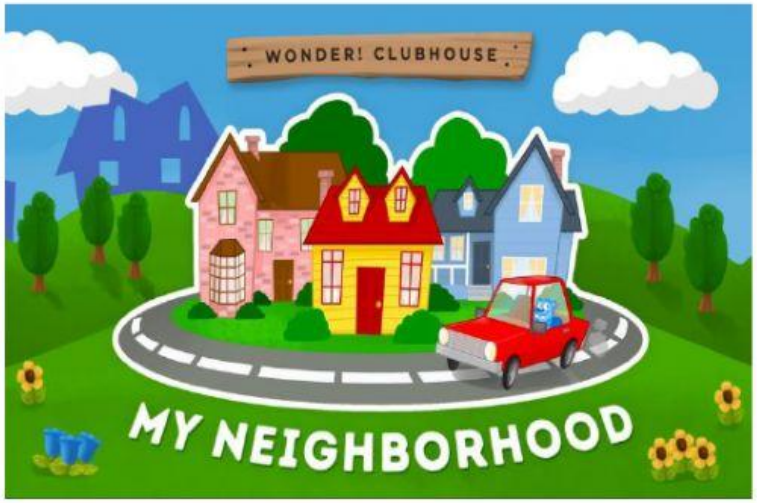
NAME:.....

Grade: 6



Unit 4 MY NEIGHBOURHOOD



LIVEWORKSHEETS

Unit 4 MY NEIGHBOURHOOD

A. PHONETICS

Task 1: Find the word which has a different sound in the underlined part.

1.	**A.** renew	**B.** pea	**C.** three	**D.** key
2.	**A.** wig	**B.** grin	**C.** heat	**D.** fish
3.	**A** fleece	**B.** return	**C.** machine	**D.** scene
4.	**A.** neat	**B.** village	**C.** cottage	**D.** shortage
5.	**A** complete	**B.** cede	**C.** remind	**D.** secede

B. VOCABULARY AND GRAMMAR

Task 2: . Look at the pictures and complete the blanks with the words given.

museum **cathedral** **palace** **memorial**
square **art gallery** **temple** **railway station**


1.....


2.....


3.....


4.....


5.....


6.....


7.....


8.....

Task 3: Fill in the blank

restaurant bakery cinema grocery post office bookstore bank art gallery

1. It is a place where we send letters and buy stamps. .....
2. It is a place where we can buy books. .....
3. It is a place where we pay money to watch a movie. .....
4. It is a place where we can buy and eat a meal. .....
5. It is a place where we can save money. .....
6. It is a place where we can buy food and other goods. .....
7. It is a place where we can see paintings and other works of art. .....
8. It is a place where we can buy bread and cakes. .....

LIVEWORKSHEETS

Unit 4 MY NEIGHBOURHOOD

Task 4: Fill in the blank with the correct comparative forms.

1. fast	.....	11. attractive	.....
2. thin	.....	12. noisy	.....
3. large	.....	13. old	.....
4. tired	.....	14. interesting	.....
5. good	.....	15. wide	.....
6. clever	.....	16. independent	.....
7. short	.....	17. dry	.....

Task 5: Fill the spaces with the correct comparative adjectives.

1. I am **(tall)** _____ than my sister.
2. My mum thinks that cats are **(good)** _____ pets than dogs.
3. He is **(intelligent)** _____ than his brother.
4. A swordfish is **(faster)** _____ than a jellyfish.
5. A blue whale is **(heavy)** _____ than twenty-five elephants.
6. You look **(thin)** _____ than last month. Have you lost weight?
7. A new house is **(expensive)** _____ than an old one.
8. Irene is **(clever)** _____ than Silvia.
9. Max is **(old)** _____ than John.
10. Computers are **(cheap)** _____ than mobile phones.

Task 6: Write comparative sentences about the pictures using *than* and the words.

1. 
2. 
3. 
4. 

Tim Sam Sapa NhaTrang Snow White the witch NewYork Francisco

1. (be/ young) *Sam is younger than Tim.*
2. (be/ hot) _____
3. (be/beautiful) _____
4. (be/small) _____

LIVEWORKSHEETS

Unit 4 MY NEIGHBOURHOOD

C.READING

Task 7: Read and choose T or F

A new shopping mall is opening in Nam's neighborhood today. It is very different from the present shopping area. All the shops are under one roof. That will be very convenient, especially during the hot and humid summer months. Customers will shop in comfort and won't notice the weather.

Some people in the neighborhood, however, are not happy about the changes. The owners of the small stores on Tran Phu Street think the mall will take their business. Some of the goods in the new stores will be the same as the ones in the small shops, but the stores in the mall will offer a wider selection of products, some at cheaper prices.

The residents and store owners have been concerned about the new mall for a few months. They have organized a community meeting in order to discuss the situation.

1.The mall is open six days a week. T / F

2. There are more than 50 stores in the mall. T / F

3.Everyone in the neighborhood is pleased with the new mall. T / F

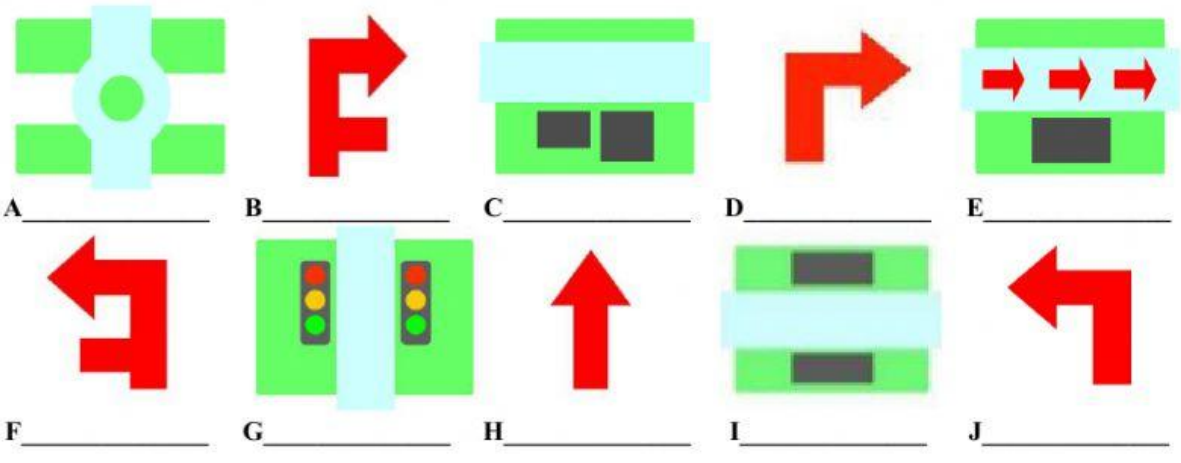
4. It will be more comfortable to shop in the mall than in the present shopping area. T / F

5.Some of the stores on Tran Phu Street may have to close. T / F

E. LISTENING

Task 8 Listen and March.

1.Turn left	3.Turn right	6. Go past	7. Roundabout	9. Next to
2.Take the second left	4.Take the second right	5.Go straight on	8. Traffic lights	10. Opposite



A_____ B_____ C_____ D_____ E_____

F_____ G_____ H_____ I_____ J_____

LIVEWORKSHEETS



Unit 4 MY NEIGHBOURHOOD

F. WRITING

Task 9: **Write the comparative sentences using the cues.**

Ex: *My house/ small/ her house*

→My house is smaller than her house.

1. Lan/tall/Hoa

✍ ..... ……..

2. This book/ thick/ that book

✍ ..... ……

3. The chair/ short/ the table

✍ ..... ……

4. These boxes/ big/ those boxes

✍ ..... ……..

5. Miss Trang/ young/ her sister

✍ ..... ……

The end

LIVEWORKSHEETS

REVIEW – UNIT 4

A.pronunciation

/i/	/i:/
village/ˈvɪlɪdʒ/	meal /miːl/

.

B.voc:

New words	Transcription	Meaning
antique shop	/ænˈtiːk ʃɒp/	*cửa hàng đồ cổ*
art gallery	/ɑːt ˈgæləri/	*phòng triển lãm*
backyard	/bækˈjɑːd/	*sân sau*
bakery	/ˈbeɪkəri/	*tiệm bánh*
barber	/ˈbɑːbər/	*thợ cạo đầu*
beauty salon	/ˈbjuːti ˈsælɒn/	*tiệm làm đẹp*
boring	/ˈbɔːrɪŋ/	*tẻ nhạt*
bus stop	/bʌsstɒp/	*trạm xe bus*
cathedral	/kəˈθiːdrəl/	*nhà thờ*
cemetery	/ˈsemətri/	*nghĩa trang*
charity shop	/tʃærɪti ʃɒp/	*cửa hàng từ thiện*
comfortable	/ˈkʌmpfətəbl/	*thoải mái*
convenient	/kənˈviːniənt/	*thuận tiện*
countryside	/ˈkʌntrisaɪd/	*vùng quê, nông thôn*
crowded	/ˈkraʊdɪd/	*đông đúc*
department store	/dɪˈpɑːtmənt stɔːr/	*cửa hàng tạp hóa*
dress shop	/dres ʃɒp/	*cửa hàng váy*
exciting	/ɪkˈsaɪtɪŋ/	*thú vị, sôi động*
expensive	/ɪkˈspentsɪv/	*đắt đỏ*
fantastic	/fænˈtæstɪk/	*thú vị*
fire station	/faɪərˈsteɪʃən/	*trạm cứu hỏa*
front yard	/frʌnt jɑːd/	*sân trước*
grocery	/ˈgrəʊsəri/	*cửa hàng rau củ quả*
hairdresser's	/ˈheədresər/	*hiệu cắt tóc*

LIVEWORKSHEETS

health centre	/helθˈsentər/	*trung tâm y tế*
historic	/hɪˈstɒrɪk/	*có tính lịch sử*
inconvenient	/ɪnkənˈviːniənt/	*không thuận tiện*
incredibly	/ɪnˈkredɪbli/	*không thể tin nổi*
memorial	/məˈmɔːriəl/	*tượng đài*
modern	/ˈmɒdən/	*hiện đại*
narrow	/ˈnærəʊ/	*hẹp*
noisy	/ˈnɔɪzi/	*ầm ĩ*
pagoda	/pəˈgəʊdə/	*ngôi chùa*
palace	/ˈpælɪs/	*lâu đài*
peaceful	/ˈpiːsfəl/	*thanh bình*
petrol station	/ˈpetrəl ˈsteɪʃən/	*trạm xăng dầu*
pharmacy	/fɑːməsi/	*hiệu thuốc*
polluted	/pəˈluːtɪd/	*ô nhiễm*
railway station	/ˈreɪlweɪˈsteɪʃən/	*nhà ga xe lửa*
sandy	/ˈsændi/	*như cát, phủ đầy cát*
secondary school	/ˈsekəndri skuːl/	*trường Trung học cơ sở*
square	/skweər/	*quảng trường*
statue	/ˈstætʃuː/	*bức tượng*
suburb	/ˈsʌbɜːb/	*vùng ngoại ô*
temple	/ˈtempl/	*ngôi đền*
terrible	/ˈterəbl/	*kinh khủng*
traffic light	/ˈtræfɪk laɪt/	*đèn giao thông*
workshop	/ˈwɜːkʃɒp/	*xưởng*

C. Grammar

1. Comparative of adjective

Short adjectives and Long adjectives

Short adjectives (tính từ ngắn)	**Long adjectives (tính từ dài)**
Tính từ ngắn là những tính từ gồm 1 âm tiết.	Tính từ dài là những tính từ gồm từ 2 âm tiết trở lên

LIVEWORKSHEETS

- nice - long - happy	- intelligent - beautiful - expensive
Để chuyển sang dạng so sánh ta thêm "r/er" vào cuối tính từ ấy. - nice →nicer - long →longer Nếu tận cùng của tính từ là "y", ta đổi "y" → "ier" - dry drier - happy →happier	Để chuyển sang dạng so sánh ta thêm "more" lên trước tính từ dài. - intelligent→more intelligent - expensive → more expensive

Với các tính từ kết thúc bằng -ed, -ing, -fill, -less, khi chuyển sang dạng so sánh hơn, ta đều coi nó là tính từ dài

bored→more bored — interesting →more interesting

careful→morecareful — helpless →more helpless

Với các tính từ kết thúc bằng một nguyên âm đơn + phụ âm đơn, ta gấp đôi phụ âm

hot→hotter — big →bigger

Các tính từ đặc biệt khác

old→older/elder (già) — good →better (tốt)

far→farther/ further(xa) — bad →worse (tồi)

a. Comparative of short adjectives

S + be + adj-er + than ...

Ví dụ: Phong is taller than Trang. *(Phongcao hơn Trang.)*

Long is bigger than Quan. *(Long to hơn Quân.)*

b. Comparative of long adjectives

S + be + more + adj + than ...

Ví dụ:

Thang is more intelligent than Hung.*(Thắng thông minh hơn Hùng.)*

Your house is more modern than my house. *(Ngôi nhà của bạn hiện đại hơn ngôi nhà của tớ*

LIVEWORKSHEETS